

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-THHT

Hùng Thắng, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Hùng Thắng

2. Địa chỉ: Thôn Ván Đông, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố
Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3882 324

Website: thungthang.hai phong.edu.vn

3. Loại hình: Công lập

Đơn vị quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

***/ Sứ mạng:** Trường Tiểu học Hùng Thắng thực hiện sứ mệnh xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, nề nếp kỷ cương để phát triển tri thức, thể chất, khả năng giao tiếp xã hội và các giá trị đạo đức cho các em học sinh tiểu học.

***/ Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường uy tín có chất lượng, là trung tâm văn hóa giáo dục địa phương, là nơi cha mẹ luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện. Đến năm 2024, Trường Tiểu học Hùng Thắng đạt cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Tầm nhìn đến năm 2030, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

***/ Mục tiêu của nhà trường**

- Thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học.

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Cán bộ, giáo viên tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng ứng

dụng thông tin trong dạy học, tích cực tham gia học Tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Đẩy mạnh chuyên đổi số; chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn của nhà trường; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Hùng Thắng thuộc địa bàn xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng được thành lập vào ngày 31/8/1990 theo Quyết định số 486/QĐ-UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng. Khi mới thành lập, trường có tên là Trường Phổ thông cấp I Hùng Thắng, sau đó đổi tên thành “Trường tiểu học Hùng Thắng” như hiện nay. Trường tọa lạc tại thôn Ván Đông, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Trải qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã không ngừng vươn lên và phát triển ổn định, có những bước tiến vững chắc. Nhân dân nơi đây có truyền thống hiếu học, truyền thống này luôn được phát huy. Đảng và chính quyền địa phương coi trọng, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Cơ sở vật chất trong 5 năm gần đây được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố, hiện đại cơ bản đủ điều kiện đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Đội ngũ CBGV,NV trẻ, nhiệt tình, năng động, chuyên môn vững vàng, 90% CB,GV,NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn.

Hàng năm, huy động 100% học sinh 6 tuổi vào lớp; tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 96%. Công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ đạt mức độ 2, Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt mức độ 3. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng lên. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Liên Đội trong nhà trường phối hợp nhịp nhàng hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. Chi bộ liên tục được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Công đoàn đạt vững mạnh Xuất sắc; Liên đội vững mạnh cấp Thành phố.

Với kết quả đạt được, nhiều năm học, nhà trường được công nhận đạt Tập thể Lao động tiên tiến được Ủy ban Nhân dân huyện tặng giấy khen, năm học 2023-2024, trường xếp thứ 4/21 trường tiểu học của huyện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Kim Chi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Ván Đông - Xã Hùng Thắng - huyện Tiên Lãng – thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 0856295383 Email: nguyenkimchi27.5.74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Hùng Thắng được thành lập từ ngày 31/8/1990 theo Quyết định số 486/QĐ-UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc Kiện toàn Hội đồng trường Trường tiểu học Hùng Thắng nhiệm kỳ 2020-2025

Danh sách Hội đồng trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Chi	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Vũ Thị My	Phó Hiệu trưởng, CTCD	Phó CT Hội đồng
3	Đỗ Thị Nụ	Tổ trưởng Khối 2,3	Thư ký Hội đồng
4	Nguyễn Thị Khuyên	Tổ trưởng Khối 1	Thành viên
5	Vũ Thị Thu	Tổ trưởng Khối 4	Thành viên
6	Ngô Thị Minh Chi	Tổ trưởng Khối 5	Thành viên
7	Vũ Thị Diễm	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Thành viên
8	Vũ Thị Xoa	GV Tổng phụ trách Đội	Thành viên
9	Vũ Trung Kiên	Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Hùng Thắng	Thành viên
10	Nguyễn Khánh Toàn	Trưởng ban Đ DCMHS trường	Thành viên

Thông tin Hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng

c. Thông tin Hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định điều động Hiệu trưởng:

Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Tiên Lãng về việc điều động cán bộ quản lý ngành giáo dục.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học HùngThắng:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Hùng Thắng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

***/ Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ 01 Hội đồng trường với 12 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 44 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 16 lớp sao nhi đồng và 12 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS nhà trường: Gồm 5 thành viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn (Tổ 1, Tổ 2+3, Tổ 4, Tổ 5), 1 tổ văn phòng.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

1. Nguyễn Thị Kim Chi - Hiệu trưởng - SĐT: 0856295383

Email: nguyenkimchi27.5.74@gmail.com

2. Vũ Thị My - Phó hiệu trưởng - SĐT: 0778201274

Email: vumanhmy77@gmail.com

3. Phạm Hữu Hào - Phó hiệu trưởng - SĐT: 0387285295

Email: phamhuuhaodh@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 52 /KH-THHT ngày 09/10/2020 kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 122/QĐ-THHT

ngày 15/10/2024 về việc về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động trường tiểu học Hùng Thắng từ năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III cũ	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43			38	4		1	5	18	11	12	24		
	Giáo viên	37			33	4			5	18	8	9	24		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	4			4				1	1	1		3		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3				1		1		2		
3	Tin học														
4	Âm nhạc	1			1					1			1		
5	Mỹ thuật														
6	Thể dục														
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng				1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng				2						2	2			
III	Nhân viên	3			2			1							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Bảo vệ	1						1							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Hoàn thành BDTX: $40/40 = 100\%$. trong đó BGH: 03, GV: 37.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích

Tổng diện tích của nhà trường là: $9689 \text{ m}^2/972$ học sinh; Diện tích bình quân gần $10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. Diện tích sân là $3662,41 \text{ m}^2$. Diện tích sân chơi, sân tập: 4460 m^2 . Bình quân diện tích sân chơi và sân tập đạt $4,42 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. Trường có diện tích trồng cây xanh là 430 m^2 .

Nhà trường có sân chơi đảm bảo cho các hoạt động vui chơi của học sinh diễn ra thường xuyên, hàng ngày vào các thời điểm trước giờ học, giờ ra chơi hoặc các hoạt động thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn

2. Các hạng mục công trình

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	1 phòng/lớp	Số $1.49 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Loại phòng học	36	-
1	Phòng học kiên cố	36	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m^2)		9689
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)		4460
VI	Tổng diện tích các phòng	1800	
1	Diện tích phòng học (m^2)	1450	Số $1.49 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
2	Diện tích thư viện (m^2)	48	$0.05 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
3	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)	100	$0.1 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
4	Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)	150	$0.156 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
5	Diện tích phòng học tin học (m^2)	56	$0.058 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
6	Diện tích phòng học đa chức năng (m^2)	56	$0.058 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	48	$0.05 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
8	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)	48	$0.05 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	29	1 bộ/lớp

1.1	Khối lớp 1	6	1bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	33	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	32	1tivi/lớp
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14		120		0.12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch và viết báo cáo cải tiến chất lượng giáo dục. Cụ thể:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1			x	
Tiêu chí 1.2			x	
Tiêu chí 1.3			x	
Tiêu chí 1.4			x	
Tiêu chí 1.5			x	
Tiêu chí 1.6			x	
Tiêu chí 1.7			x	
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10			x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3			x	
Tiêu chí 2.4			x	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1			x	
Tiêu chí 3.2			x	
Tiêu chí 3.3			x	
Tiêu chí 3.4			x	
Tiêu chí 3.5			x	
Tiêu chí 3.6			x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1			x	
Tiêu chí 4.2			x	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1			x	
Tiêu chí 5.2			x	
Tiêu chí 5.3			x	
Tiêu chí 5.4			x	
Tiêu chí 5.5			x	

Kết quả: Đạt Mức 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 23/KH- THHT ngày 17/6/2024 của trường TH Hùng Thắng)

Hoàn thành Báo cáo công tác tuyển sinh vào ngày 31/7/2024

* *Đoi tượng tuyển sinh:*

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018 trở về trước, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) xã Hùng Thắng huyện Tiên Lãng TP Hải Phòng.

* *Chỉ tiêu tuyển sinh:* số HS: 150 học sinh; số lớp: 5 lớp

* *Thời gian tuyển sinh:*

Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:

+ Triển khai thử nghiệm: Từ 10/6 đến 24/6/2024;

+ Tiến hành hiệu chỉnh và xóa dữ liệu giai đoạn chạy thử nghiệm: Từ ngày 25/6 đến ngày 30/6/2024;

+ Triển khai chính thức: Từ ngày 08/7 đến ngày 20/7/2024

+ Hướng dẫn phụ huynh học sinh đăng nhập Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <http://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/> đăng ký thử nghiệm với tài khoản đã được cấp (gồm số định danh cá nhân và mật khẩu). Bộ phận hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến các nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc, hỗ trợ phụ huynh học sinh trong quá trình đăng ký thử nghiệm.

Đối với các trường hợp tuyển sinh không theo tuyến (trái tuyến): Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp từ ngày 22/7/2024 đến ngày 28/7/2024.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a. Kết quả đánh giá HS lớp 1, 2, 3, 4 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT:

- **Môn học/HĐGD:**

Môn học	Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3,4	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	788	788	580	73.60	200	25.38	8	1.02
Tiếng Việt	788	788	593	75.25	187	23.73	8	1.02
Mỹ thuật	788	788	619	78.55	169	21.45	0	0.00

Âm nhạc	788	788	596	75.63	192	24.37	0	0.00
GD thể chất	788	788	604	76.65	184	23.35	0	0.00
Đạo đức	788	788	625	79.31	162	20.56	1	0.13
Tự nhiên - Xã hội	581	581	427	73.49	154	26.51	0	0.00
Tin học và CN (Tin học)	418	418	332	79.43	86	20.57	0	0.00
Tin học và Công nghệ (CN)	418	418	327	78.23	91	21.77	0	0.00
HD trải nghiệm	788	788	599	76.02	188	23.86	1	0.13
Tiếng Anh	788	788	575	72.97	209	26.52	4	0.51
Khoa học	207	207	168	81.16	39	18.84	0	0.00
Lịch sử & Địa lý	207	207	165	79.71	42	20.29	0	0.00

- Năng lực:

Năng lực		Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3,4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	788	788	571	72.46	210	26.65	7	0.89	
	Giao tiếp và hợp tác	788	788	603	76.52	183	23.22	2	0.25	
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	788	788	553	70.18	227	28.81	8	1.02	
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	788	788	596	75.63	186	23.60	6	0.76	
	Tính toán	788	788	581	73.73	200	25.38	7	0.89	
	Khoa học	788	788	595	75.51	191	24.24	2	0.25	
	Thẩm mỹ	788	788	601	76.27	186	23.60	1	0.13	
	Thể chất	788	788	620	78.68	167	21.19	1	0.13	
	Công nghệ	418	418	328	78.47	90	21.53	0	0.00	
	Tin học	418	418	340	81.34	78	18.66	0	0.00	

- Phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 1,	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	

	lớp 2, 3,4								
Yêu nước	788	788	732	92.89	56	7.11	0	0	
Nhân ái	788	788	713	90.48	74	9.39	1	0.13	
Chăm chỉ	788	788	581	73.73	202	25.63	5	0.63	
Trung thực	788	788	675	85.66	112	14.21	1	0.13	
Trách nhiệm	788	778	626	80.46	151	19.41	1	0.13	

b. Kết quả đánh giá HS lớp 5 theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT:

- Môn học/HĐGD:

Môn học	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	184	184	144	78.26	40	21.74	0	0.00
Tiếng Việt	184	184	150	81.52	34	18.48	0	0.00
Mỹ thuật	184	184	146	79.35	38	20.65	0	0.00
Âm nhạc	184	184	140	76.09	44	23.91	0	0.00
Thể dục	184	184	148	80.43	36	19.57	0	0.00
Đạo đức	184	184	151	82.07	33	17.93	0	0.00
Kỹ thuật	184	184	150	81.52	34	18.48	0	0.00
Khoa học	184	184	143	77.72	41	22.28	0	0.00
Lịch sử & Địa lý	184	184	143	77.72	41	22.28	0	0.00
Tiếng Anh	184	184	123	66.85	61	33.15	0	0.00

*** Năng lực:**

Năng lực	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tự phục vụ, tự quản	184	184	155	84.24	29	15.76	0	0.00
Hợp tác	184	184	141	76.63	43	23.37	0	0.00
Tự học và giải quyết	184	184	133	72.28	51	27.72	0	0.00

vấn đề								
--------	--	--	--	--	--	--	--	--

** Đánh giá định kỳ về phẩm chất:*

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Chăm học, chăm làm	184	184	143	77.72	41	22.28	0	0
Tự tin, trách nhiệm	184	184	141	76.63	43	23.37	0	0
Trung thực, kỷ luật	184	184	169	91.85	15	8.15	0	0
Đoàn kết, yêu thương	184	184	181	98.37	3	1.63	0	0

*** Đánh giá** (so sánh với cùng kỳ năm học trước và so với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra):

Môn Toán: Số HS hoàn thành tốt giảm 1,3%, hoàn thành tăng 1.5%, chưa hoàn thành giảm 1,06%;

Môn Tiếng Việt: Số HS hoàn thành tốt tăng 1,22%, hoàn thành giảm 0,65%, chưa hoàn thành giảm 0.57 %;

Môn Tiếng Anh: Số HS hoàn thành tốt giảm 1,3 %, hoàn thành tăng 1,4%; chưa hoàn thành giảm 0,8%;

Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học còn 11HS = 1,4%, giảm 2,86% so với cùng kì của năm học trước.

So với kế hoạch đề ra: Tỷ lệ học sinh hoàn thành và hoàn thành tốt các môn học và hoạt động giáo dục đạt chỉ tiêu so với chỉ tiêu đề ra đầu năm học.

c. Đối với học sinh khuyết tật

- Tổng số HS khuyết tật học hòa nhập: 12em = 1.23% (trong đó: khối 1: 4em, khối 2: 3em, khối 3: 3em, khối 4: 1em, khối 5: 1em, trong đó số HSKT có hồ sơ là 04/12 HS khuyết tật được hưởng trợ cấp hàng tháng)

- Kết quả đánh giá HS khuyết tật:

Học sinh tham gia đánh giá: 12 em. Trong đó:

Các môn học và HĐGD: Hoàn thành: 11 em; Chưa hoàn thành: 01

Các năng lực: Đạt: 11 em; Chưa đạt: 1

Các phẩm chất: Đạt: 11 em; Chưa đạt: 1

- Việc thực hiện các quy định, chính sách đối với giáo dục người khuyết tật:

Đối với học sinh khuyết tật: Thực hiện thanh toán hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Đề nghị cấp học bổng cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo Thông tư 42/2013/BGDĐT-BTBXH-BTC.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau: (Có biểu mẫu kèm theo).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy thử nghiệm chương trình Giáo dục STEM: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy STEM, cuối năm học tổ chức ngày hội STEM cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội STEM cấp huyện, cấp thành phố.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Hùng Thắng.

Nơi nhận

- CB, GV, NV nhà trường;
- PHHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Chi

